

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29 -9 - 2021

*“V/v Ly hôn với một người đã bị Tòa án  
tuyên bố mất tích”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lâm Anh Luyện

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Ngọc Thắng

2. Ông Nguyễn Minh Biên

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa:*** bà Phạm Đài Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021 về “Ly hôn với một người đã bị Tòa án tuyên bố mất tích” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quang V, sinh năm: 1956; Số CMND 073219299, cấp ngày 01/10/2015; Nơi cấp: Công an tỉnh H; Nơi cư trú: Thôn Vinh Q, xã Tân Q, huyện B, tỉnh H. Vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt

*Bị đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1960; Số CMND 100311735; Địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng: Thôn Minh Th, xã Trung Th, huyện V, tỉnh H, vắng mặt do đã bị Tòa án tuyên bố mất tích.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 23-6-2021 và bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn ông Nguyễn Quang V trình bày: Ông V và bà Phạm Thị T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Q, huyện B, tỉnh H vào ngày 11 tháng 5 năm 2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và đến ngày 13-2-2018 bà T đã tự ý bỏ nhà đi từ đó cho đến nay không có tin tức gì và người thân đã tìm đủ mọi biện pháp như nhờ anh, em họ hàng, bạn bè thông báo tìm kiếm nhưng đều không có kết quả, ông V đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H tuyên bố bà Phạm Thị T, sinh năm 1960 mất tích tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc “Tuyên bố một người mất tích” số 04/2021/QĐST - VDS, ngày 20-5-2021. Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của mình, ngày 23-6-2021 ông V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông V được ly hôn với người đã được Tòa án tuyên bố mất tích là bà Phạm Thị T theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong quá trình chung sống không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bà Phạm Thị T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích từ tháng 5 năm 2021. Kết quả Tòa án xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Trung Th cho thấy, bà T đã bỏ nhà đi từ tháng 2 năm 2018 cho đến nay vẫn không có tin tức gì với gia đình và hiện tại không có mặt tại địa phương. Vì vậy, Tòa án triệu tập bà T và tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng không hòa giải theo thủ tục chung, kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng liên quan đến việc giải quyết vụ án tại Ủy ban nhân dân xã Trung Th, nhưng đến ngày 29-9-2021 Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai sơ thẩm, bà Phạm Thị T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án không thu thập được tài liệu, chứng cứ, bản tự khai của bà T. Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và kết quả xác minh của Tòa án với chính quyền địa phương nơi cư trú cuối cùng của bà T để xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Ông Nguyễn Quang V có đơn xin giải quyết vắng mặt ghi ngày 20 tháng 8 năm 2021. Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố toàn bộ nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, đơn xin giải quyết vắng mặt của ông Nguyễn Quang V và các tài liệu kèm theo. Ông V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin ly hôn với bà Phạm Thị T; Về con chung, tài sản và công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhận dân huyện V, tỉnh H:*

Căn cứ khoản 1 Điều 53, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, đã xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, tư cách pháp lý và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Người tham gia tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Quang V đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn bà Phạm Thị T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là có căn cứ pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân: Do bà Phạm Thị T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, đến nay vẫn chưa trở về nên làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống riêng của ông Nguyễn Quang V. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Quang V với bà Phạm Thị T và đề xử cho ông Nguyễn Quang V được ly hôn với bà Phạm Thị T; Về con chung; tài sản và công nợ chung: Ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện Kiểm sát không đề cập giải quyết.

Về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự, do bà Phạm Thị T bị tuyên bố mất tích nên Tòa án không tiến hành hòa giải, chỉ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 207; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quang V và bà Phạm Thị T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Q, huyện B, tỉnh H vào ngày 11-5-2016, nên quan hệ vợ, chồng của ông V và bà T là hợp pháp. Lý do ông V xin ly hôn vì bà T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Căn cứ quyết định số 04/2021/QĐST - VDS, ngày 20-5-2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H đã tuyên bố bà Phạm Thị T mất tích, quyết định này đã có hiệu lực pháp luật và kể từ khi Tòa án thông báo thụ lý vụ án đến ngày Tòa án mở phiên tòa bà T vẫn vắng mặt. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Quang V, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho ông Nguyễn Quang V được ly hôn với bà Phạm Thị T.

[3] Về con chung: Ông V và bà T không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét

[4] Về tài sản và công nợ chung: Ông Nguyễn Quang V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Tân Q, huyện B, tỉnh H đối với gia đình ông V thuộc diện người có công với cách mạng, đồng thời ông V có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm. Vì vậy ông V có đủ điều kiện được Tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn với một người đã bị Tòa án tuyên bố mất tích” của ông Nguyễn Quang V đối với bà Phạm Thị T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Quang V được ly hôn với bà Phạm Thị T.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Quang V được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Quang V, bà Phạm Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết tại nơi thường trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện V;
- THADS huyện V;
- UBND xã Tân Q, huyện B,
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lâm Anh Luyện**